

Bản án số: 22/2019/HS- ST
Ngày 08/3/2019

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN SƠN DƯƠNG, TỈNH TUYÊN QUANG

Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

- *Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa:* Ông Nguyễn Văn Toàn

- *Các Hội thẩm nhân dân:*

1. Ông Hoàng Thanh Nghệ

2. Ông Nguyễn Ngọc Xuyên

- *Thư ký phiên tòa:* Bà Hà Thị Vân Anh - Thư ký Tòa án nhân dân huyện S, tỉnh Tuyên Quang.

- *Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện S tham gia phiên tòa:* Ông Nguyễn Thành Thụy - Kiểm sát viên.

Ngày 08 tháng 3 năm 2019, tại Trụ sở Tòa án nhân dân huyện S, tỉnh Tuyên Quang xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự sơ thẩm thụ lý số 24/2019/TLST - HS ngày 31 tháng 01 năm 2019, theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số 22/2019/QĐXXST- HS ngày 25/02/2019 đối với các bị cáo:

1. Họ và tên: Hoàng Văn Th; giới tính: Nam; sinh năm 1974, tại huyện S, tỉnh Tuyên Quang; nơi cư trú: thôn Y, xã Đ, huyện S, tỉnh Tuyên Quang; nghề nghiệp: Làm ruộng; trình độ học vấn: 5/12; dân tộc: Nùng; quốc tịch: Việt Nam; tôn giáo: không; con ông Hoàng Văn Kh, sinh năm 1933, con bà Lương Thị H (đã chết); anh, chị em ruột: Có 09 người, bị cáo là con thứ 9; có vợ là: Hoàng Thị M, sinh năm 1974; Con: Có 02 con, con lớn sinh năm 1997, con nhỏ sinh năm 1999.

- Tiền án: 01 tiền án (Bản án số 44/HSST ngày 27/6/2017 của TAND huyện S xử phạt 06 tháng cải tạo không giam giữ về tội đánh bạc, phạt tiền 3.000.000 đồng, án phí HSST 200.000 đồng. Ngày 23/6/2017 nộp án phí, ngày 15/8/2017 nộp tiền phạt, ngày 15/02/2018 thi hành xong hình phạt Cải tạo không giam giữ.

- Tiền sự: Không.

- Nhân thân: Quyết định xử phạt vi phạm hành chính số 02 ngày 14/01/2004 của Trưởng Công an huyện S về hành vi đánh nhau, xử phạt số tiền 100.000 đồng (Một trăm ngàn đồng) Ngày 14/01/2004 đã thi hành xong.

Bị cáo bị bắt tạm giữ từ ngày 29/12/2018 đến ngày 31/12/2018. Hiện bị cáo đang bị áp dụng biện pháp ngăn chặn cấm đi khỏi nơi cư trú. (có mặt).

2. Họ và tên: Trần Văn A; giới tính: Nam; sinh năm 1977, tại huyện S, tỉnh Tuyên Quang; nơi cư trú: thôn Y, xã Đ, huyện S, tỉnh Tuyên Quang; nghề nghiệp: Làm

ruộng; trình độ học vấn: 01/12; dân tộc: Cao lan; quốc tịch: Việt Nam; tôn giáo: không; con ông Trần Văn Ch (đã chết), con bà Nông Thị Tr - sinh năm 1949; anh, chị em ruột: Có 7 người, bị cáo là con thứ 4; có vợ là: Hoàng Thị Đ, sinh năm 1980; con: có 03 con, con lớn nhất sinh năm 2004, con nhỏ nhất sinh năm 2015; Tiền án, tiền sự: không.

Bị cáo bị bắt tạm giữ từ ngày 29/12/2018 đến ngày 31/12/2018. Hiện bị cáo đang bị áp dụng biện pháp ngăn chặn cấm đi khỏi nơi cư trú. *(có mặt)*.

3. Họ và tên: Đường Quang Ch; giới tính: Nam; sinh năm 1986, tại huyện S, tỉnh Tuyên Quang; nơi cư trú: thôn Y, xã Đ, huyện S, tỉnh Tuyên Quang; nghề nghiệp: Làm ruộng; trình độ học vấn: 10/12; dân tộc: Cao Lan; quốc tịch: Việt Nam; tôn giáo: không; con ông Đường Minh Ch (đã chết), con bà Hoàng Thị H, sinh năm 1944; anh, chị em ruột: Có 11 người, bị cáo là con thứ 9; Vợ: Lý Thị Q, sinh năm 1988; Con: Có 02 con, con lớn sinh năm 2009, con nhỏ sinh năm 2011; Tiền án, tiền sự: không.

Bị cáo bị bắt tạm giữ từ ngày 29/12/2018 đến ngày 31/12/2018. Hiện bị cáo đang bị áp dụng biện pháp ngăn chặn cấm đi khỏi nơi cư trú. *(có mặt)*.

4. Họ và tên: Ứng Văn Q; giới tính: Nam; sinh năm 1986, tại huyện S, tỉnh Tuyên Quang; nơi cư trú: thôn Y, xã Đ, huyện S, tỉnh Tuyên Quang; nghề nghiệp: Làm ruộng; trình độ học vấn: 04/12; dân tộc: Nùng; quốc tịch: Việt Nam; tôn giáo: không; con ông Ứng Văn Kh, sinh năm 1965, con bà Hoàng Thị T, sinh năm 1965; anh, chị em ruột: Có 3 người, bị cáo là con thứ nhất; Vợ: Hoàng Thị L, sinh năm 1991; Con: Có 02 con, con lớn sinh năm 2010, con nhỏ sinh năm 2012; Tiền án, tiền sự: không.

Bị cáo bị bắt tạm giữ từ ngày 29/12/2018 đến ngày 31/12/2018. Hiện bị cáo đang bị áp dụng biện pháp ngăn chặn cấm đi khỏi nơi cư trú. *(có mặt)*.

5. Họ và tên: Đặng Văn H; giới tính: Nam; sinh năm 1986, tại huyện S, tỉnh Tuyên Quang; nơi cư trú: thôn Y, xã Đ, huyện S, tỉnh Tuyên Quang; nghề nghiệp: Làm ruộng; trình độ học vấn: 12/12; dân tộc: Dao; quốc tịch: Việt Nam; tôn giáo: không; con ông Đặng Văn Đ, sinh năm 1966, con bà Trần Thị M, sinh năm 1965; anh, chị em ruột: Có 4 người, bị cáo là con thứ hai; Vợ: Vũ Thị M, sinh năm 1986; Con: Có 02 con, con lớn sinh năm 2008, con nhỏ sinh năm 2014; Tiền án, tiền sự: không.

- Nhân thân: Quyết định xử phạt vi phạm hành chính số 138 ngày 29/8/2017 của Phòng Cảnh sát hình sự Công an tỉnh Tuyên Quang xử phạt 350.000 đồng về hành vi đánh số lô, đề trái phép. Ngày 30/8/2017 thi hành xong.

Bị cáo hiện đang bị áp dụng biện pháp ngăn chặn cấm đi khỏi nơi cư trú *(có mặt)*.

6. Họ và tên: Đàm Văn T; giới tính: Nam; sinh năm 1975, tại huyện S, tỉnh Tuyên Quang; nơi cư trú: thôn Y, xã Đ, huyện S, tỉnh Tuyên Quang; nghề nghiệp: Làm ruộng; trình độ học vấn: 06/12; dân tộc: Cao lan; quốc tịch: Việt Nam; tôn giáo: không; con ông Đàm Minh Th (đã chết), con bà Trần Thị Th, sinh năm 1924; anh, chị em ruột: Có 6 người, bị cáo là con thứ sáu; Vợ: La Thị H, sinh năm 1974; Con: Có 02 con, con lớn sinh năm 1994, con nhỏ sinh năm 1996; Tiền án, tiền sự: không.

Bị cáo bị bắt tạm giữ ngày 29/12/2018. Hiện bị cáo đang bị áp dụng biện pháp ngăn chặn cấm đi khỏi nơi cư trú. *(có mặt)*.

7. Họ và tên: Đặng Văn Q; giới tính: Nam; sinh năm 1973, tại huyện S, tỉnh Tuyên Quang; nơi cư trú: thôn Y, xã Đ, huyện S, tỉnh Tuyên Quang; nghề nghiệp: Làm ruộng; trình độ học vấn: 06/12; dân tộc: Dao; quốc tịch: Việt Nam; tôn giáo: không; con ông Đặng Văn L (đã chết), con bà Hoàng Thị N, sinh năm 1942; anh, chị em ruột: Có 9 người, bị cáo là con thứ tư; Vợ: La Thị B, sinh năm 1976; Con: Có 03 con, con lớn sinh năm 1996, con nhỏ sinh năm 2008; Tiền án, tiền sự: không.

Bị cáo bị bắt tạm giữ từ ngày 29/12/2018 đến ngày 31/12/2018. Hiện bị cáo đang bị áp dụng biện pháp ngăn chặn cấm đi khỏi nơi cư trú. *(có mặt)*.

8. Họ và tên: Trần Văn H; giới tính: Nam; sinh năm 1990, tại huyện S, tỉnh Tuyên Quang; nơi cư trú: thôn T, xã C, huyện S, tỉnh Tuyên Quang; nghề nghiệp: Làm ruộng; trình độ học vấn: 01/12; dân tộc: Cao lan; quốc tịch: Việt Nam; tôn giáo: không; con ông Trần Văn M, sinh năm 1966, con bà Phan Thị Ch, sinh năm 1968; anh, chị em ruột: Có 5 người, bị cáo là con thứ hai; Vợ: Ninh Thị N, sinh năm 1993; Con: Có 02 con, con lớn sinh năm 2011, con nhỏ sinh năm 2015; Tiền án, tiền sự: không.

Bị cáo hiện đang bị áp dụng biện pháp ngăn chặn cấm đi khỏi nơi cư trú *(có mặt)*.

- Người bào chữa cho các bị cáo *Ứng Văn Q, Trần Văn H, Đặng Văn H*: ông Nguyễn Văn Thăng và bà Nguyễn Thị Nguyệt - Trợ giúp viên pháp lý thuộc Trung tâm trợ giúp pháp lý Nhà nước tỉnh Tuyên Quang *(có mặt)*.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Khoảng 20 giờ ngày 28/12/2018, các bị cáo Hoàng Văn Th, Trần Văn A, Đường Quang Ch, Ứng Văn Q, Đặng Văn H, Đặng Văn Q và Trần Văn H rủ nhau đánh bạc dưới hình thức đánh xóc đĩa được thua bằng tiền tại gian bếp của nhà Đàm Văn T, mức sát phạt từ 50.000 đồng trở lên, Đặng Văn Q là người làm Q bạc, Đường Quang Ch lấy bát, đĩa sứ trong bếp nhà T, Đàm Văn T chuẩn bị chiếu nhựa, Đặng Văn H là người xóc cái đầu tiên, sau chuyển cho Đặng Văn Q, Quan chuyển cho Đường Quang Ch xóc cái. Quá trình đánh bạc Đàm Văn T cho Đặng Văn H vay 200.000đ để đánh bạc.

Các bị cáo đánh bạc đến hồi 23 giờ 00 phút ngày 28/12/2018, thì bị Tổ công tác của Cơ quan cảnh sát điều tra Công an huyện S lập biên bản bắt người phạm tội quả tang, thu giữ trên chiếu bạc số tiền 7.300.000 đồng và các tang vật liên quan; Ứng Văn Q tự nguyện giao nộp 200.000đ.

Quá trình điều tra xác định được:

1. Ứng Văn Q trước khi đánh bạc nộp 50.000 đồng tiền hồ cho Đàm Văn T, có 1.300.000 đồng sử dụng đánh bạc, thua 1.100.000 đồng, còn 200.000 đồng đã giao nộp cho cơ quan Công an.

2. Trần Văn A trước khi đánh bạc nộp 50.000 đồng tiền hồ cho Đàm Văn T, có 1.500.000 đồng sử dụng đánh bạc, thua 500.000 đồng, còn 1.000.000 đồng khi bị bắt để tiền trên chiếu bạc và bị thu giữ.

3. Hoàng Văn Th trước khi đánh bạc nộp 50.000 đồng tiền hồ cho Đàm Văn T, có 1.500.000 đồng sử dụng đánh bạc, thua 500.000 đồng, còn 1.000.000 đồng khi bị bắt để tiền trên chiếu bạc và bị thu giữ. Th chuẩn bị 04 Q tú lơ khơ mục đích đánh bằng vị ăn tiền nhưng không có ai chơi.

4. Đường Quang Ch trước khi đánh bạc nộp 50.000 đồng tiền hồ cho Đàm Văn T, có 1.500.000 đồng sử dụng đánh bạc, thua hết.

5. Đặng Văn Q trước khi đánh bạc nộp 50.000 đồng tiền hồ cho Đàm Văn T, có 200.000 đồng sử dụng đánh bạc, thua hết.

6. Đàm Văn T cho mọi người đánh bạc tại gian bếp nhà mình, là người lấy chiếu nhựa để mọi người đánh bạc, thu hồ được 350.000 đồng. Sau đó cho Đặng Văn H vay 200.000 đồng để H đánh bạc, còn 150.000 đồng đã bị thu giữ.

7. Đặng Văn H trước khi đánh bạc nộp 50.000 đồng tiền hồ cho Đàm Văn T, tham gia đánh bạc có số tiền 670.000 đồng (trong đó có 200.000 đồng vay của Đàm Văn T), đánh thua hết.

8. Trần Văn H trước khi đánh bạc nộp 50.000 đồng tiền hồ cho Đàm Văn T, tham gia đánh bạc có số tiền 50.000 đồng, đánh thua hết.

Tổng số tiền các bị cáo khai sử dụng vào việc đánh bạc là 6.720.000 đồng (*Sáu triệu bảy trăm hai mươi nghìn đồng*). Thực tế cơ quan điều tra thu giữ 7.500.000 đồng (trừ 150.000 đồng của Đàm Văn T thu tiền hồ) còn chênh lệch 630.000 đồng. Như vậy tổng số tiền các bị cáo sử dụng đánh bạc xác định là 7.350.000đ (*Bảy triệu ba trăm năm mươi nghìn đồng*).

Trên cơ sở kết luận điều tra, ngày 31/01/2019 Viện kiểm sát nhân dân huyện S ban hành cáo trạng số 27/CT- VKS truy tố đối với Hoàng Văn Th và các đồng phạm về tội “*Đánh bạc*” theo khoản 1, Điều 321 Bộ luật Hình sự.

Tại phiên tòa, sau khi kết thúc phân xét hỏi công khai, đại diện Viện Kiểm sát nhân dân huyện S phát biểu lời luận tội, giữ nguyên nội dung cáo trạng, truy tố và đề nghị Hội đồng xét xử (HĐXX) tuyên bố: các bị cáo Hoàng Văn Th, Trần Văn A, Đường Quang Ch, Ứng Văn Q, Đặng Văn H, Đàm Văn T, Đặng Văn Q và Trần Văn H phạm tội “*Đánh bạc*”.

1. Áp dụng: khoản 1, Điều 321; điểm s khoản 1, khoản 2, Điều 51; đoạn 1, điểm h, khoản 1, điều 52; Điều 38, Điều 58 Bộ luật Hình sự, xử phạt: Hoàng Văn Th từ 9 đến 12 tháng tù.

2. Áp dụng: khoản 1, Điều 321; các điểm i, s khoản 1; Điều 38; Điều 58 Bộ luật Hình sự, xử phạt: Đặng Văn H từ 7 đến 10 tháng tù.

3. Áp dụng: khoản 1, Điều 321; các điểm i, s khoản 1, Điều 51; Điều 38; Điều 58 Điều 65 Bộ luật Hình sự, xử phạt: Đường Quang Ch, Trần Văn A, Ứng Văn Q từ 6 đến 9 tháng tù cho hưởng án treo. Thời gian thử thách từ 12 đến 18 tháng.

4. Áp dụng: khoản 1, Điều 321; điểm i, s khoản 1, Điều 51; Điều 36; Điều 58 Bộ luật Hình sự; áp dụng thêm khoản 2, điều 51 BLHS đối với bị cáo Đàm Văn T, xử phạt: Đặng Văn Q, Trần Văn H từ 06 đến 09 tháng cải tạo không giam giữ; xử phạt Đàm Văn T từ 09 đến 12 tháng cải tạo không giam giữ, được trừ đi thời gian bị tạm giữ.

Về vật chứng: áp dụng điều 47 Bộ luật hình sự; điều 106 Bộ luật Tố tụng hình sự: Tịch thu tiêu hủy 01 bát sứ màu trắng có hoa văn màu đỏ, 01 đĩa sứ bị vỡ vụn, 01 chiếu nhựa, 04 quần tú lơ khơ; sung công quỹ nhà nước số tiền sử dụng vào việc phạm tội là 7.500.000đ. Ngoài ra, Kiểm sát viên còn đề nghị HĐXX xem xét buộc các bị cáo phải chịu án phí hình sự sơ thẩm và tuyên quyền kháng cáo theo quy định của pháp luật.

Ý kiến của người bào chữa: nhất trí với tội danh và điều luật mà đại diện Viện Kiểm sát đã đề nghị. Tuy nhiên do các bị cáo Trần Văn H, Đặng Văn H, Ứng Văn Q thuộc diện hộ cận nghèo, là người có trình độ văn hóa thấp, nhận thức pháp luật còn hạn chế, bị cáo thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải nên đề nghị HĐXX áp dụng thêm tình tiết giảm nhẹ quy định tại khoản 2, điều 51 đối với cả 03 bị cáo. Bị cáo Đặng Văn H không thuộc các trường hợp không cho hưởng án treo nên đề nghị HĐXX áp dụng điều 65 BLHS cho bị cáo Đặng Văn H được hưởng án treo. Đề nghị HĐXX xét xử các bị cáo ở mức khởi điểm của khung hình phạt.

Tại phiên tòa bị cáo xác định cáo trạng của Viện Kiểm sát đã truy tố đúng diễn biến hành vi phạm tội mà các bị cáo đã thực hiện, các bị cáo không có ý kiến tranh luận, khi nói lời sau cùng các bị cáo tỏ ra ăn năn hối cải, đề nghị HĐXX xét xử giảm nhẹ tội, cho các bị cáo được hưởng mức án nhẹ nhất.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, HĐXX nhận định như sau:

[1] Về hành vi phạm tội của các bị cáo: Quá trình điều tra và tại phiên tòa, các bị cáo đều thành khẩn khai nhận hành vi phạm tội của mình. Lời khai nhận tội của các bị cáo phù hợp với các tài liệu chứng cứ khác như biên bản bắt người phạm tội quả tang, vật chứng đã thu giữ và các tài liệu, chứng cứ khác có trong hồ sơ vụ án. Qua đó đủ cơ sở kết luận: Trong khoảng thời gian từ 20 giờ đến 23 giờ ngày 28/12/2018 tại gian bếp nhà Đàm Văn T, thuộc địa phận thôn Y, xã Đ, các bị cáo Hoàng Văn Th, Trần Văn A, Đường Quang Ch, Ứng Văn Q, Đặng Văn H, Đặng Văn Q và Trần Văn H đã thực hiện hành vi đánh bạc bằng hình thức xóc đĩa được thua bằng tiền. Bị cáo Đàm Văn T không trực tiếp tham gia đánh bạc nhưng đã có hành vi giúp sức cho bị cáo khác vay tiền đánh

bạc và chuẩn bị công cụ, địa điểm đánh bạc. Tổng số tiền các bị cáo sử dụng đánh bạc là: 7.350.000đ (*Bảy triệu ba trăm năm mươi nghìn đồng*). Trong đó bị cáo Th sử dụng 1.500.000đ, bị cáo Ch sử dụng 1.500.000đ, bị cáo A sử dụng 1.500.000đ, bị cáo Q sử dụng 1.300.000đ; bị cáo H sử dụng 670.000đ; bị cáo Q 200.000đ; bị cáo H 50.000đ; bị cáo T thu tiền hồ được 350.000đ sau đó cho bị cáo H vay 200.000đ để đánh bạc; chênh lệch số tiền 630.000đ thu giữ tại chiếu bạc nhưng không bị cáo nào thừa nhận nên các bị cáo chịu trách nhiệm chung với số tiền này. Như vậy hành vi của các bị cáo đã phạm vào tội *Đánh bạc* theo quy định tại khoản 1, điều 321 Bộ luật Hình sự (BLHS). Vì vậy, cáo trạng của Viện Kiểm sát nhân dân huyện S truy tố đối với các bị cáo là có căn cứ chấp nhận.

[2] Xét tính chất, vai trò, mức độ thực hiện hành vi phạm tội của từng bị cáo, HĐXX nhận định: đây là vụ án mang tính chất đồng phạm giản đơn, các bị cáo thực hiện hành vi phạm tội với lỗi cố ý, động cơ, mục đích sát phạt nhau để kiếm lợi. Trong vụ án này không xác định được người rủ rê khởi xướng. Các bị cáo Th, Ch, Q, T là những người chuẩn bị công cụ đánh bạc; các bị cáo H, Q, Ch là người trực tiếp xóc cái. Trong vụ án này, các bị cáo Th, Ch, A, Q là những người sử dụng số tiền đánh bạc ngang nhau và nhiều hơn các bị cáo khác, bị cáo H sử dụng số tiền đánh bạc ít nhất.

[3] Xét các tình tiết tăng nặng, HĐXX nhận định: Bị cáo Hoàng Văn Th bị áp dụng tình tiết tăng nặng tái phạm theo quy định tại điểm h, khoản 1, điều 52 BLHS. Các bị cáo khác không bị áp dụng tình tiết tăng nặng nào.

[4] Về các tình tiết giảm nhẹ: cả 08 bị cáo đều thành khẩn khai báo nên được áp dụng tình tiết giảm nhẹ quy định tại đoạn 1, điểm s, khoản 1 điều 51 BLHS. Các bị cáo Trần Văn A, Đường Quang Ch, Ứng Văn Q, Đặng Văn H, Đặng Văn Q, Đàm Văn T và Trần Văn H đều phạm tội lần đầu và thuộc trường hợp ít nghiêm trọng nên được áp dụng thêm tình tiết giảm nhẹ quy định tại điểm i, khoản 1 điều 51 BLHS. Riêng bị cáo Hoàng Văn Th có bố đẻ được tặng thưởng bằng có công với cách mạng, bị cáo Đàm Văn T có bố đẻ được tặng Huy chương chiến thắng hạng nhất nên được áp dụng thêm khoản 2, điều 51 Bộ luật hình sự.

[5] Về hướng xử lý: Hành vi của các bị cáo là nguy hiểm cho xã H, xâm phạm trực tiếp đến trật tự, an toàn công cộng tại địa phương, ảnh hưởng xấu đến đời sống kinh tế, xã H và là một trong những nguyên nhân dễ dẫn đến các tệ nạn xã H. Căn cứ vào nhân thân, các tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ, đặc biệt là vai trò mức độ thực hiện hành vi, cần xét xử các bị cáo mức án tương xứng với hành vi phạm tội đã thực hiện. Cần xét xử các bị cáo Hoàng Văn Th, Đường Quang Ch, Trần Văn A, Ứng Văn Q hình phạt cao hơn so với các bị cáo khác, trong đó bị cáo Th mặc dù số tiền đánh bạc ngang bằng bị cáo Ch và bị cáo A nhưng tái phạm nên cần xét xử bị cáo Th mức án cao hơn so với bị cáo Ch và bị cáo A. Cần thiết phải cách ly các bị cáo Th, H ra khỏi đời sống xã H một thời gian mới đủ điều kiện cải tạo giáo dục đối với các bị cáo. Đối với các bị cáo T, Q, H xét xử hình phạt cải tạo không giam giữ cũng

đủ răn đe giáo dục đối với các bị cáo. Các bị cáo Trần Văn A, Đường Quang Ch, Ứng Văn Q có nhân thân tốt, phạm tội lần đầu thuộc trường hợp ít nghiêm trọng, có nơi cư trú rõ ràng, có nhiều tình tiết giảm nhẹ nên không cần thiết phải cách ly các bị cáo ra khỏi đời sống xã H mà cho bị cáo được hưởng án treo cũng đủ để giáo dục đối với các bị cáo.

[6] Về hình phạt bổ sung: căn cứ kết quả xác minh xét thấy các bị cáo đều không có tài sản gì có giá trị lớn, số tiền đánh bạc ít, bị cáo Q, H, H là hộ cận nghèo nên không áp dụng hình phạt bổ sung là phạt tiền đối với các bị cáo; không khấu trừ thu nhập đối với các bị cáo bị xử phạt cải tạo không giam giữ.

[7] Đối với số tiền Đàm Văn T cho Đặng Văn H vay không có yêu cầu gì nên HĐXX không đề cập giải quyết.

[8] Về vật chứng: cần áp dụng điều 47 BLHS và điều 106 Bộ luật Tố tụng hình sự xử lý như sau: đối với số tiền 7.500.000đ thu giữ của các bị cáo là tiền sử dụng vào việc phạm tội nên cần tịch thu sung công quỹ nhà nước; 01 bát sứ màu trắng có hoa văn màu đỏ, 01 đĩa sứ bị vỡ vụn, 01 chiếu nhựa, 04 quần tú lơ khơ là công cụ phạm tội không có giá trị sử dụng cần tịch thu tiêu hủy.

[9] Xét đề nghị của người bào chữa về việc đề nghị HĐXX xét xử các bị cáo ở mức khởi điểm của khung hình phạt, HĐXX nhận định: các bị cáo Ứng Văn Q, Đặng Văn H, Trần Văn H đều tham gia đánh bạc với số tiền ít, phạm tội lần đầu và thuộc trường hợp ít nghiêm trọng nên xét xử các bị cáo ở mức khởi điểm cũng đủ để răn đe đối với các bị cáo. Về đề nghị áp dụng khoản 2 điều 51 BLHS vì lý do trình độ văn hóa thấp, am hiểu pháp luật còn hạn chế, HĐXX nhận định các bị cáo không phải sinh sống ở vùng sâu, vùng xa, đều được tuyên truyền pháp luật thường xuyên theo chính sách của nhà nước, bị cáo Trần Văn H có trình độ văn hóa 12/12 nên không coi đây là tình tiết giảm nhẹ. Về đề nghị cho bị cáo H được hưởng án treo, HĐXX nhận định, mặc dù bị cáo H không thuộc các trường hợp không cho hưởng án treo chưa đủ điều kiện cho hưởng án treo, vì một trong các điều kiện cho hưởng án treo là bị cáo phải có nhân thân tốt. Đối chiếu với hướng dẫn tại Điều 2, Nghị quyết 02 ngày 15/5/2018 của Hội đồng thẩm phán thì việc bị cáo H đã bị xử phạt hành chính, tính đến thời điểm phạm tội không được coi là có nhân thân tốt vì vậy không đủ điều kiện để xem xét cho bị cáo được hưởng án treo theo đề nghị của người bào chữa.

[10] Về án phí: Các bị cáo phải nộp án phí hình sự sơ thẩm theo quy định tại Điều 136 Bộ luật tố tụng hình sự và Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội khóa 14 quy định về án phí, lệ phí Tòa án:

[11] Về quyền kháng cáo: Các bị cáo có quyền kháng cáo bản án theo quy định tại các điều 331, 333 Bộ luật Tố tụng hình sự.

[12] Về tính hợp pháp của các hành vi, quyết định tố tụng: quá trình điều tra, truy tố, xét xử, các Điều tra viên, Kiểm sát viên và những người tiến hành tố tụng khác đã thực hiện đúng các hành vi tố tụng và quyết định tố tụng theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

*** Về tội danh:** Căn cứ vào khoản 1 Điều 321 Bộ luật Hình sự.

Tuyên bố: Các bị cáo Hoàng Văn Th, Trần Văn A, Đường Quang Ch, Ứng Văn Q, Đặng Văn H, Đặng Văn Q, Đàm Văn T, Trần Văn H phạm tội “*Đánh bạc*”.

*** Về hình phạt:**

1. Áp dụng: khoản 1, Điều 321; điểm s khoản 1, khoản 2, Điều 51; đoạn 1, điểm h, khoản 1, điều 52; Điều 38, điều 58 Bộ luật Hình sự, xử phạt: Hoàng Văn Th 07 (bảy) tháng tù được trừ đi thời hạn tạm giữ từ ngày 29 đến ngày 31/12/2018.

2. Áp dụng: khoản 1, Điều 321; các điểm i, s khoản 1; Điều 38; Điều 58 Bộ luật Hình sự, xử phạt: Đặng Văn H 06 (sáu) tháng tù.

Thời hạn tù của bị cáo Hoàng Văn Th và bị cáo Đặng Văn H tính từ ngày bị cáo vào trại chấp hành án.

3. Áp dụng: khoản 1, Điều 321; các điểm i, s khoản 1, Điều 51; Điều 38; Điều 58; Điều 65 Bộ luật Hình sự, xử phạt:

- Bị cáo Đường Quang Ch 06 (sáu) tháng tù cho hưởng án treo. Thời gian thử thách 12 (mười hai) tháng.

- Bị cáo Trần Văn A, 06 (sáu) tháng tù cho hưởng án treo. Thời gian thử thách 12 (mười hai) tháng.

- Bị cáo Ứng Văn Q 06 (sáu) tháng tù cho hưởng án treo. Thời gian thử thách 12 (mười hai) tháng.

Thời hạn thử thách của các bị cáo Đường Quang Ch, Trần Văn A, Ứng Văn Q tính từ ngày tuyên án sơ thẩm (ngày 08/3/2019).

Giao các bị cáo Đường Quang Ch, Trần Văn A, Ứng Văn Q cho Ủy ban nhân dân xã Đ, huyện S, tỉnh Tuyên Quang giám sát, giáo dục trong thời gian thử thách.

Trong trường hợp bị cáo thay đổi nơi cư trú thì thực hiện theo quy định tại khoản 1 Điều 69 của Luật thi hành án hình sự.

Trong thời gian thử thách, người được hưởng án treo cố ý vi phạm nghĩa vụ hai lần trở lên thì Tòa án có thể quyết định buộc người được hưởng án treo phải chấp hành hình phạt tù của bản án đã cho hưởng án treo.

4. Áp dụng: khoản 1, Điều 321; điểm i, s khoản 1, Điều 51; Điều 36; Điều 58 Bộ luật Hình sự; áp dụng thêm khoản 2, điều 51 BLHS đối với bị cáo Đàm Văn T, xử phạt:

- Bị cáo Đặng Văn Q, 06 (sáu) tháng cải tạo không giam giữ, được trừ đi số ngày bị tạm giữ là 03 (ba) ngày quy đổi bằng 09 (chín) ngày cải tạo không giam giữ. Bị cáo còn phải chấp hành 05 (năm) tháng 21 (hai một) ngày cải tạo không giam giữ.

- Bị cáo Đàm Văn T 06 (sáu) tháng cải tạo không giam giữ, được trừ đi thời gian bị tạm giữ, được trừ đi số ngày bị tạm giữ là 01 (một) ngày quy đổi bằng 03 (ba) ngày cải tạo không giam giữ. Bị cáo còn phải chấp hành 05 (năm) tháng 27 (hai bảy) ngày cải tạo không giam giữ.

- Bị cáo Trần Văn H, 06 (sáu) tháng cải tạo không giam giữ,

Thời hạn cải tạo không giam giữ của các bị cáo Đặng Văn Q, Đàm Văn T, Trần Văn H tính từ ngày Ủy ban nhân dân xã Đ và UBND xã C, huyện S được giao giám sát, giáo dục đối với bị cáo nhận được Quyết định thi hành án và bản sao bản án.

*** Về vật chứng:** Căn cứ vào Điều 106 Bộ luật Tố tụng hình sự, tuyên:

- Tịch thu tiêu hủy 01 bát sứ màu trắng có hoa văn màu đỏ, 01 đĩa sứ bị vỡ vụn, 01 chiếu nhựa, 04 quần tú lơ khơ;

- Tịch thu sung quỹ Nhà nước số tiền đã tạm giữ là 7.500.000đ (*bảy triệu năm trăm nghìn đồng*).

(Số tiền trên đã được Cơ quan cảnh sát điều tra Công an huyện S chuyển vào tài khoản số: 3949.0.1064844.00000 là tài khoản của Chi cục thi hành án Dân sự huyện S mở tại Kho bạc Nhà nước huyện S ngày 31/01/2019).

(Tình trạng vật chứng khác như biên bản giao nhận vật chứng ngày 31/01/2019 giữa Công an huyện S và Chi cục Thi hành án dân sự huyện S).

*** Về án phí:** Căn cứ vào điều 136 Bộ luật tố tụng hình sự; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc H khóa 14 quy định về án phí, lệ phí Tòa án, tuyên: các bị cáo Hoàng Văn Th, Trần Văn A, Đường Quang Ch, Ứng Văn Q, Đặng Văn H, Đặng Văn Q, Đàm Văn T, Trần Văn H, mỗi bị cáo phải nộp 200.000đ (*Hai trăm nghìn đồng*) án phí hình sự sơ thẩm.

*** Về quyền kháng cáo:** căn cứ vào các Điều 331, 333 Bộ luật tố tụng hình sự, tuyên các bị cáo được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án sơ thẩm (ngày 08/3/2019)./.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Tuyên Quang;
- VKSND tỉnh Tuyên Quang;
- VKSND huyện S;
- Công an huyện S;
- THADS huyện S;
- Sở Tư pháp tỉnh Tuyên Quang;
- UBND xã Đ;
- UBND xã C;
- Những người tham gia tố tụng;
- Lưu HS.

**T/M H ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA
(Đã ký)**

Nguyễn Văn Toàn

CÁC H THẨM NHÂN DÂN

THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Hoàng Thanh Nghệ - Nguyễn Ngọc Xuyên

Nguyễn Văn Toàn

